

Trường Tiểu Học Cedar Grove

Sở Giáo Dục California

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học

Báo Cáo Dựa Trên Dữ Liệu từ Năm Học 2015–16

Theo luật tiểu bang, trễ nhất vào ngày 1 tháng Hai hàng năm mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (School Accountability Report Card - SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công Thức Tài Trợ Kiểm Soát Địa Phương (Local Control Funding Formula - LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (Local Educational Agencies - LEA) phải chuẩn bị một Kế Hoạch Kiểm Soát và Trách Nhiệm Giải Trình tại Địa Phương (Local Control and Accountability Plan - LCAP) mô tả phương thức các trường dự định sẽ đạt được các mục tiêu hàng năm cụ thể của trường cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu SARC, xem Trang Mạng về SARC thuộc Sở Giáo Dục California (California Department of Education - CDE) tại <http://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>.
- Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng khu học chánh.

DataQuest

DataQuest là một công cụ trực tuyến trên trang Mạng DataQuest của CDE tại <http://dq.cde.ca.gov/dataquest/> chứa đựng thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với khu học chánh và quận. Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng trạm máy (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên trạm máy, và khả năng in tài liệu.

Giới Thiệu Về Trường Đây

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)	
Tên Trường	Trường Tiểu Học Cedar Grove
Đường Phố	2702 Sugarplum Drive
Thành Phố, Tiểu Bang, Mã Bưu điện	San Jose, CA 95148
Số Điện Thoại	(408) 270-4958
Hiệu Trưởng	Lea Peery
Địa Chỉ Email	lpeery@eesd.org
Trang Mạng	

Thông Tin Liên Lạc của Trường (Năm Học 2016–17)	
Mã Số Quận-Khu Học Chánh-Trường học (County-District-School - CDS)	43-69435-6067193

Thông Tin Liên Lạc của Khu Học Chánh (Năm Học 2016–17)	
Tên Khu Học Chánh	Học Khu Tiểu Học Evergreen
Số Điện Thoại	(408) 270-6800
Giám Đốc Khu Học Chánh	Katherine Gomez
Địa Chỉ Email	kgomez@eesd.org
Trang Mạng	www.eesd.org

Mô Tả Trường học và Bản Tuyên Bố Sứ Mệnh (Năm Học 2016–17)

Thông Điệp Từ Hiệu Trưởng

Trường Tiểu Học Cedar Grove tọa lạc trong dưới chân đồi East San Jose trong khu vực Evergreen. Trường của chúng tôi được thành lập năm 1969 và có lịch sử truyền thống và thành tích tuyệt vời trong Học Khu Evergreen. Trường đã được công nhận là Ngôi Trường Đặc Biệt của California và là Trường Xuất Sắc đạt giải Dải Ruy-băng Xanh Quốc Gia.

Cộng đồng người học của Cedar Grove cam kết học tập suốt đời. Các giáo viên tận tâm của chúng tôi đã tham gia nhiều cơ hội phát triển chuyên môn tập trung vào các Kỹ Năng của Thế Kỷ 21 (giao tiếp, hợp tác, tư duy phản biện và sáng tạo), Chuẩn Bị Sẵn Sàng cho Cao Đẳng và Nghề Nghiệp và các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang. Học sinh của chúng tôi tham gia vào chương trình giảng dạy nghiêm ngặt và linh hoạt kiến thức mới thông qua việc thực hành các kỹ năng của thế kỷ 21 trong hoạt động giảng dạy hàng ngày.

Cedar Grove tự hào tham gia vào nhiều dự án hỗ trợ chủ đề của chúng tôi, “Phát Triển Người Học của Thế Kỷ 21.” Học sinh có cơ hội đưa ra những lựa chọn tích cực và thể hiện tinh thần trách nhiệm mà sẽ tạo ra các thành viên có đóng góp công sức của cộng đồng lớn hơn.

Bản Tuyên Bố về Sứ Mệnh của Nhà Trường

Chúng tôi, những người ở Trường Cedar Grove hết lòng mang đến trải nghiệm giáo dục tốt nhất cho học sinh của mình. Chúng tôi cố gắng đảm bảo sự thành công về học thuật và xã hội bằng cách sử dụng nhiều chiến lược giảng dạy dựa trên khảo sát về chất lượng và thực hành thành công. Trường của chúng tôi là nơi trẻ cảm thấy được đánh giá trong một môi trường an toàn và dưỡng dục và sẽ đạt được thành tích tốt nhất trong khả năng của mình. Học sinh có cơ hội đưa ra những lựa chọn tích cực và thể hiện tinh thần trách nhiệm mà sẽ tạo ra các thành viên có đóng góp công sức của cộng đồng lớn hơn. Học sinh sẽ được nâng cao việc tự nhận thức tích cực về bản thân và năng lực trí tuệ, do đó, sẽ thành công trong trường và trong tương lai.

Mô Tả Sơ Lược về Nhà Trường & Cộng Đồng

Học Khu Evergreen, tọa lạc tại Thành Phố San Jose, bao gồm mười lăm trường tiểu học và ba trường trung học. Từng là một thành phố nông nghiệp nhỏ nhưng trong khoảng thời gian từ thập niên 60 đến thập niên 90, San Jose đã trở thành địa danh có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với những người mới đến ngoại ô và hiện nay là thành phố lớn thứ ba ở California. Nằm ở Thung Lũng Silicon, cực nam của Khu Vực Vịnh San Francisco, thành phố đã trở thành nơi sinh sống của trên 973.000 cư dân.

Trường Tiểu Học Cedar Grove nằm ở khu đông bắc học khu. Nhà trường mang đến cho học sinh một môi trường dưỡng dục và an toàn theo định hướng gia đình để học sinh học tập, trưởng thành và phát triển trí tuệ. Các giáo viên, nhân viên và quản trị viên luôn thực hiện theo nguyên tắc học sinh là trên hết. Trong năm học 2012-13, nhà trường đã phục vụ 780 học sinh từ bậc mầm non đến lớp sáu theo thời gian biểu truyền thống theo lịch. Biểu đồ thể hiện tỉ lệ ghi danh vào trường theo sắc tộc.

Học Sinh Ghi Danh theo Cấp Lớp (Năm Học 2015–16)

Cấp Lớp	Số Học Sinh
Mẫu Giáo	81
Lớp 1	91
Lớp 2	74
Lớp 3	88
Lớp 4	101
Lớp 5	118
Lớp 6	116
Tổng Ghi Danh	669

Học Sinh Ghi Danh theo Nhóm Học Sinh (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Phần Trăm trong Tổng Ghi Danh
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi	1.8
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.3
Người Gốc Á Châu	43.6
Người Phi Luật Tân	12.7
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	31.7
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	1.2
Người Da Trắng	3.9
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng Tộc	2.2
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	41.3
Người Học Tiếng Anh	26.6
Học Sinh Khuyết Tật	6.4
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc bởi Giám Hộ	0.1

A. Điều Kiện Học Tập**Ưu Tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản**

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt

Bảng Cấp Chứng Nhận của Giáo Viên

Giáo Viên	Trường			Khu Học Chánh
	2014-15	2015-16	2016-17	2016-17
Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	28	28	27	486

Giáo Viên	Trường			Khu Học Chánh
	2014-15	2015-16	2016-17	2016-17
Không Có Đầy Đủ Bằng Cấp Chứng Nhận	0	0	0	0
Giảng Dạy Ngoài Lĩnh Vực Môn Học Chuyên Ngành (có đầy đủ bằng cấp chứng nhận)	0	0	0	0

Phân Công Giáo Viên Trái Phép và Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống

Chỉ Báo	2014-15	2015-16	2016-17
Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh	0	0	0
Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép	0	0	0
Các Vị Trí Giáo Viên Còn Trống	0	0	0

Ghi chú: "Phân công trái phép" nói đến số vị trí được điền khuyết bởi giáo viên thiếu thẩm quyền hợp pháp để dạy cấp lớp, môn học, nhóm học sinh đó, v.v.

* Tổng Số Các Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép bao gồm cả số Trường Hợp Phân Công Giáo Viên Trái Phép cho Người Học Tiếng Anh.

Các Lớp Học Cốt Lõi do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy (Năm Học 2015–16)

Địa Điểm Các Lớp Học	Phần Trăm Lớp Học Về Các Môn Học Cốt Lõi	
	Do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy	Không Do Giáo Viên Giỏi Giảng Dạy
Trường Đây	100.0	0.0
Tất Cả Các Trường trong Khu Học Chánh	99.9	0.1
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Cao trong Khu Học Chánh	100.0	0.0
Các Trường Có Tỷ Lệ Học Sinh Nghèo Thấp trong Khu Học Chánh	99.8	0.2

Ghi chú: Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo cao được định nghĩa là các trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 40 phần trăm hoặc cao hơn. Các trường có tỷ lệ học sinh nghèo thấp là các trường có tỷ lệ học sinh hội đủ điều kiện tham gia chương trình bữa ăn giảm giá và miễn phí là khoảng 39 phần trăm hoặc thấp hơn.

Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy (Năm Học 2016–17)

Year and month in which data were collected: Ngày 9 tháng 10 năm 2014

Ngày 9 tháng 10 năm 2014, Học Khu Evergreen đã tổ chức một buổi Điều Trần Công Khai và quyết định mỗi trường trong học khu sẽ có sách giáo khoa phù hợp và có chất lượng tốt cũng như tài liệu hướng dẫn theo đúng thỏa thuận của Williams với Tiểu Bang California.

Tất cả học sinh, bao gồm cả những Người Học Tiếng Anh sẽ được cung cấp riêng sách giáo khoa hoặc tài liệu hướng dẫn theo đúng tiêu chuẩn hoặc cả hai đối với các môn học chính để sử dụng trên lớp và mang về nhà. Toàn bộ sách giáo khoa và tài liệu hướng dẫn được sử dụng trong học khu phải tuân thủ Khung và Tiêu Chuẩn về Nội Dung của Tiểu Bang California với sự phê duyệt cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị. Sách giáo khoa và các tài liệu bổ sung sẽ được sử dụng theo chu kỳ của Bộ Giáo Dục California, khiến sách giáo khoa được sử dụng trong trường là sách mới nhất hiện có. Bảng thể hiện thông tin được thu thập vào tháng 9 năm 2014 về chất lượng, tính hiện thời và sẵn có của sách giáo khoa theo tiêu chuẩn và các tài liệu hướng dẫn khác được sử dụng trong nhà trường. Học khu không sử dụng sách giáo khoa chính thức dành cho môn Sức Khỏe hoặc Nghệ Thuật Tạo Hình và Biểu Diễn.

Môn Học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/năm Phê Chuẩn	Từ Đợt Phê Chuẩn Gần Nhất?	Phần Trăm Học Sinh Không Có Sách Được Chỉ Định Riêng
Độc/Văn Chương	Được sử dụng trong năm 2009 (Lớp K-6): MacMillan/McGraw Hill	Có	0.0%
Toán	Được sử dụng trong năm 2008 (Lớp K): Harcourt Được sử dụng trong năm 2008 (Lớp 1-5): Houghton Mifflin Được sử dụng trong năm 2008 (Lớp 6): Glencoe (MacMillan/McGraw Hill)	Có	0.0%
Khoa Học	Được sử dụng trong năm 2007 (Lớp K): Pearson Scott Foresman Được sử dụng trong năm 2007 (Lớp 1-5): MacMillan/McGraw Hill Được sử dụng trong năm 2007 (Lớp 6-8): Holt, Rhinehart, Winston	Có	0.0%
Lịch Sử–Khoa Học Xã Hội	Được sử dụng trong năm 2006: (Mẫu Giáo): Pearson Scott Foresman Được sử dụng trong năm 2006: (Lớp 1-6): Houghton Mifflin	Có	0.0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Trường Tiểu Học Cedar Grove được xây dựng đầu tiên vào năm 1969. Các cơ sở nhà trường hiện nay bao gồm 22 phòng học cố định, 17 phòng học lưu động, một phòng máy tính, một thư viện, một quán ăn tự phục vụ/phòng đa năng, một phòng giáo viên và hai sân chơi. Dự án xây dựng gần đây trong trường bao gồm hoạt động làm đẹp phong cảnh và làm đẹp cảnh quan mở rộng, lắp đặt tường phòng học cố định (thay cho kiểu dàn xếp), và nâng cấp công nghệ cho phòng đa năng. Trong mùa hè năm 2010, nhà trường đã bổ sung chỗ ngồi ngoài trời cho học sinh. Năm 2006, học khu đã thông qua sáng kiến trái phiếu dành cho cơ sở, cho phép hiện đại hóa trong tương lai. Biểu đồ thể hiện kết quả kiểm tra mới nhất các cơ sở.

Quy Trình Vệ Sinh:

Trường Tiểu Học Cedar Grove cung cấp môi trường an toàn và sạch sẽ cho học sinh, nhân viên và tình nguyện viên. Học khu đã áp dụng các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học trong học khu. Các hoạt động vệ sinh được thực hiện hàng ngày trong suốt năm học, tập trung vào các phòng học và nhà vệ sinh. Học sinh và nhân viên cùng cố gắng giữ cho khuôn viên nhà trường luôn sạch sẽ và không có rác. Hàng ngày hiệu trưởng làm việc với nhân viên giám hộ của nhà trường để xây dựng các lịch vệ sinh nhằm đảm bảo một môi trường học tập sạch sẽ, an toàn và thiết thực.

Bảo Dưỡng & Sửa Chữa:

Nhân viên giám hộ của Trường Tiểu Học Cedar Grove thường xuyên tiến hành chương trình bảo dưỡng theo lịch với chức năng bảo dưỡng lớn trong các kỳ nghỉ. Bên cạnh đó, học khu cũng sử dụng chương trình bảo dưỡng có kế hoạch nhằm đảm bảo sân trường và các cơ sở luôn trong tình trạng tốt. Học khu cũng sử dụng quy trình yêu cầu công việc khi phát sinh vấn đề cần quan tâm ngay lập tức. Các hoạt động sửa chữa khẩn cấp được ưu tiên hàng đầu; các yêu cầu sửa chữa được hoàn tất một cách có hiệu quả và theo thứ tự nhận được các yêu cầu đó.

Ngân Sách Bảo Dưỡng Trì Hoãn:

Ngân Sách Bảo Dưỡng Trì Hoãn Trường Học Tiểu Bang cung cấp quỹ theo tiểu bang trên cơ sở cân nhắc chi phí liên quan để giúp các học khu với các khoản chi tiêu lớn dành cho việc sửa chữa hoặc thay thế lớn các thành phần hiện có trong tòa nhà của nhà trường. Thông thường, hoạt động sửa chữa và thay thế này bao gồm mái nhà, hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi, điều hòa nhiệt độ, hệ thống điện, sơn nội thất hoặc ngoại thất và hệ thống sàn. Trong Bộ Luật Ngân Sách hồi tháng 7 năm 2009, Cơ Quan Lập Pháp Tiểu Bang đã cho các học khu có quyền sử dụng linh hoạt các quỹ này để đáp ứng các nhu cầu chung về ngân quỹ. Với nỗ lực giảm bớt ảnh hưởng của việc giảm ngân quỹ của tiểu bang, Học Khu Evergreen đã tận dụng sự linh hoạt này. Học khu sẽ sử dụng nguồn quỹ từ trái phiếu và các nguồn thích hợp khác để đảm bảo các cơ sở luôn trong tình trạng tốt, sạch sẽ và an toàn.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất Sửa Chữa Tốt của Trường				
Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: Ngày 22 tháng 11 năm 2015				
Hệ Thống Được Kiểm Tra	Repair Status			Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
	Tốt	Được	Tồi	
Hệ Thống: Rò Rỉ Ga, Cơ Khí/HVAC, Cống rãnh	X			
Bên Trong: Các Bề Mặt Bên Trong	X			
Sự Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/ Sâu Mọt	X			
Điện: Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/ Vòi Nước Máy	X			
Sự An Toàn: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cống/Hàng Rào	X			

Đánh Giá Cơ Sở Vật Chất Tổng Quát

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất: 11/22/2015				
Đánh Giá Tổng Quát	Hoàn Hảo	Tốt	Được	Tồi
			X	

B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

- Thẩm định trên toàn tiểu bang (tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAS] cho văn chương Anh ngữ/đọc viết [ELA] và môn toán được tổ chức ở lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. CAA đã thay thế Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California [CAPA] cho ELA và môn toán, được loại bỏ vào năm 2015. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAA. Các mục của CAA phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng); và
- Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (ELA) và Môn Toán cho Tất Cả Các Học Sinh

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng hoặc Vượt Qua Các Tiêu Chuẩn Của Tiểu Bang					
	Trường		Khu Học Chánh		Tiểu Bang	
	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16	2014-15	2015-16
Văn Chương Anh Ngữ/ Đọc Viết (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)	45	49	61	63	44	48
Toán (lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11)	34	38	57	60	34	36

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh
Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2015–16)**

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi Danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Tất Cả Các Học Sinh	3	88	88	100.0	38.6
	4	100	99	99.0	49.5
	5	123	120	97.6	50.8
	6	122	118	96.7	54.2
Nam	3	53	53	100.0	43.4
	4	53	52	98.1	40.4
	5	51	49	96.1	36.7
	6	68	66	97.1	45.5
Nữ	3	35	35	100.0	31.4
	4	47	47	100.0	59.6
	5	72	71	98.6	60.6
	6	54	52	96.3	65.4
Người Gốc Á Châu	3	33	33	100.0	42.4
	4	51	50	98.0	66.0
	5	48	46	95.8	65.2
	6	61	61	100.0	63.9
Người Phi Luật Tân	4	13	13	100.0	30.8
	5	12	12	100.0	66.7
	6	15	15	100.0	53.3
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	3	35	35	100.0	34.3
	4	23	23	100.0	26.1
	5	47	47	100.0	29.8
	6	34	33	97.1	30.3
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	3	39	39	100.0	41.0
	4	44	44	100.0	38.6
	5	51	49	96.1	44.9
	6	55	55	100.0	29.1
Người Học Tiếng Anh	3	26	26	100.0	11.5
	4	29	28	96.5	28.6
	5	18	18	100.0	
	6	23	22	95.7	18.2
Học Sinh Khuyết Tật	5	17	17	100.0	23.5
	6	14	14	100.0	14.3

Ghi chú: Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

**Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh
Lớp Ba đến Lớp Tám và Lớp Mười Một (Năm Học 2015–16)**

Nhóm Học Sinh	Lớp				
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
Tất Cả Các Học Sinh	3	88	88	100.0	39.8
	4	100	100	100.0	42.0
	5	123	123	100.0	23.6
	6	122	118	96.7	46.6
Nam	3	53	53	100.0	39.6
	4	53	53	100.0	39.6
	5	51	51	100.0	23.5
	6	68	66	97.1	43.9
Nữ	3	35	35	100.0	40.0
	4	47	47	100.0	44.7
	5	72	72	100.0	23.6
	6	54	52	96.3	50.0
Người Gốc Á Châu	3	33	33	100.0	63.6
	4	51	51	100.0	62.8
	5	48	48	100.0	41.7
	6	61	61	100.0	62.3
Người Phi Luật Tân	4	13	13	100.0	46.1
	5	12	12	100.0	16.7
	6	15	15	100.0	33.3
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc Latinh	3	35	35	100.0	20.0
	4	23	23	100.0	4.3
	5	47	47	100.0	12.8
	6	34	33	97.1	18.2
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	3	39	39	100.0	30.8
	4	44	44	100.0	34.1
	5	51	51	100.0	15.7
	6	55	55	100.0	29.1
Người Học Tiếng Anh	3	26	26	100.0	19.2
	4	29	29	100.0	31.0
	5	18	18	100.0	

Nhóm Học Sinh	Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi			
		Tổng Ghi danh	Số Học Sinh Đi Thi	Phần Trăm Đi Thi	Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua
	6	23	22	95.7	18.2
Học Sinh Khuyết Tật	5	17	17	100.0	5.9
	6	14	14	100.0	21.4

Ghi chú: Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (–) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Ghi chú: Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Môn học	Phần Trăm Học Sinh Đạt Điểm ở Mức Khá hoặc Giỏi								
	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16
Khoa Học (các lớp 5, 8, và 10)	75	60	63	79	77	75	60	56	54

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm Kỳ Thi Tiêu Chuẩn California (California Standards Test - CST), Thẩm Định Thay Đổi California (California Modified Assessment - CMA), và Thẩm Định Thành Tích Học Tập Thay Thế của California (CAPA) ở các lớp năm, tám, và mười.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh Các Lớp Năm, Tám, và Mười (Năm Học 2015–16)

Nhóm Học Sinh	Tổng Ghi danh	Số Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Khá hoặc Giỏi
Tất Cả Các Học Sinh	122	122	100.0	63.1
Nam	50	50	100.0	58.0
Nữ	72	72	100.0	66.7
Người Da Đen hoặc Người Hoa Kỳ Gốc Phi				
Người Hoa Kỳ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa				
Người Gốc Á Châu	48	48	100.0	68.8
Người Phi Luật Tân	12	12	100.0	75.0
Người Gốc Tây Ban Nha hoặc La-tinh	46	46	100.0	56.5
Người Hạ Uy Di Bản Địa hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương				
Người Da Trắng				
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng Tộc				
Người có Hoàn Cảnh Kinh Tế Xã Hội Khó Khăn	50	50	100.0	62.0
Người Học Tiếng Anh	17	17	100.0	29.4

Nhóm Học Sinh	Tổng Ghi danh	Số Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Học Sinh có Điểm Số Hợp Lệ	Phần Trăm Khá hoặc Giỏi
Học Sinh Khuyết Tật	17	17	100.0	41.2
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân				
Thanh Thiếu Niên được Chăm Sóc Giám Hộ				

Ghi chú: Kết quả kỳ thi khoa học bao gồm CST, CMA, và CAPA ở các lớp năm, tám, và mười. “Phần Trăm Khá hoặc Giỏi” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh có điểm số ở mức Khá hoặc Giỏi trong thăm định khoa học chia cho tổng số học sinh có điểm số hợp lệ.

Ghi chú: Không cho thấy điểm số khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh..

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8):

- Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất

Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California (Năm Học 2015–16)

Cấp Lớp	Phần Trăm Học Sinh Đáp Ứng		
	Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
5	21.3	20.5	31.1

Ghi chú: Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

C. Tham Gia

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3):

- Các nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho khu học chánh và mỗi địa điểm trường

Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh (Năm Học 2016–17)

Trường Tiểu Học Cedar Grove khuyến khích phụ huynh trở thành một phần trong trải nghiệm giáo dục của con trẻ. Phụ huynh được khuyến khích làm tình nguyện viên trong lớp học, phục vụ trong Hội Đồng Nhà Trường của chúng tôi và trở thành các thành viên tích cực của Cedar Grove PTA.

Phụ huynh và học sinh được thông báo về các quy tắc và chính sách kỷ luật của trường vào đầu năm học, trong các buổi họp về quy tắc và an toàn học đường và trong đêm Trở Lại Trường. Trao đổi liên tục giữa gia đình và nhà trường được thực hiện thông qua thư tin hàng tuần, Đêm Trở Lại Trường, Đêm Triển Lãm (Khu Tham Quan Tự Do), hội thảo phụ huynh-giáo viên, email, các buổi họp phụ huynh hàng tuần và trang web của nhà trường.

Thông Tin Liên Lạc

Phụ huynh hoặc các thành viên cộng đồng có mong muốn tham gia vào các nhóm lãnh đạo, ủy ban của nhà trường, hoạt động của nhà trường hoặc trở thành tình nguyện viên có thể liên lạc nhà trường theo số (408) 270-4958.

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn

Đình Chỉ và Đuổi Học

Tỷ Lệ	Trường			Khu Học Chánh			Tiểu bang		
	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16	2013-14	2014-15	2015-16
Đình Chỉ	0.0	0.0	0.1	0.8	0.4	0.5	4.4	3.8	3.7
Đuổi Học	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.1	0.1	0.1

Kế Hoạch An Toàn Trường Học (Năm Học 2016–17)

Sự an toàn của học sinh và nhân viên là mối quan tâm chính của Trường Tiểu Học Cedar Grove. Học sinh được các giáo viên và quản trị viên giám sát trước, giữa và sau giờ học. Bữa trưa được giám sát bởi các trợ lý chịu trách nhiệm vào buổi trưa và các tình nguyện viên là phụ huynh học sinh. Toàn bộ khách đến thăm trường đều phải đăng ký ở văn phòng chính và đeo thẻ khách trong suốt thời gian ở tại khuôn viên trường. Ngoài ra còn có khu vực dành riêng cho phụ huynh đưa và đón con ở phía trước nhà trường.

Chương Trình An Toàn Học Đường được xem xét và cập nhật gần đây nhất vào tháng 11 năm 2012 bởi Nhóm Ứng Phó Trường Hợp Khẩn Cấp (ERT). Bất kỳ và tất cả các sửa đổi trong chương trình đều được lập tức thông báo tới nhân viên theo mục đích cụ thể và được chứng nhận. Các yếu tố chính của Chương Trình An Toàn tập trung vào các vấn đề dưới đây:

- Quy tắc & thủ tục của nhà trường
- Chính sách về quấy rối tình dục
- Tình trạng hiện tại của tội phạm học đường
- Thông báo cho giáo viên
- Thủ tục về báo cáo lạm dụng trẻ em
- Quy tắc đồng phục toàn trường
- Các chính sách liên quan đến đình chỉ/trục xuất
- Thủ tục ứng phó với thảm họa/các diễn tập định kỳ & diễn tập trường hợp khẩn cấp
- Vào & ra an toàn của học sinh, phụ huynh & nhân viên nhà trường

Nhà trường tuân thủ các luật lệ, quy tắc và quy định liên quan đến các tiêu chuẩn về nguyên vật liệu nguy hiểm và động đất tại tiểu bang. Chương trình sẵn sàng ứng phó thảm họa của nhà trường bao gồm các bước nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và nhân viên trong thảm họa. Các hoạt động huấn luyện liên quan đến hỏa hoạn, thảm họa và đóng cửa nhà trường được tiến hành luân phiên trong cả năm.

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

Chương Trình Can Thiệp của Liên Bang (Năm Học 2016–17)

Chỉ Báo	Trường	Khu Học Chánh
Tình Trạng Cải Tiến Chương Trình	Not in PI	In PI
Năm Đầu Tiên Cải Tiến Chương Trình		2010-2011
Năm Tham Gia Cải Tiến Chương Trình		Year 3
Số Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	5
Phần Trăm Trường Hiện Đang Tham Gia Cải Tiến Chương Trình	N/A	71.4

Ghi chú: Các ô có giá trị NA không yêu cầu dữ liệu.

Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh (Tiểu Học)

Lớp Cấp	2013-14				2014-15				2015-16			
	Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*			Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp	Số Lớp*		
		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+		1-20	21-32	33+
K	24		3		22	1	4		22	1	4	
1	22	1	3		24		3		24		3	
2	22	1	3		24		4		24		4	
3	23		5		25		4		25		4	
4	28		4		28		4		28		4	
5	32		4		29		3		29		3	
6	28	1	4		28	1	5		28	1	5	

* Số lớp cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp).

Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác (Năm Học 2015–16)

Chức Danh	Số FTE* Được Phân cho Trường	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn Học Tập		
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)		N/A
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (thủ thư)	.05	N/A
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (bán chuyên)	.75	N/A
Nhà Tâm Lý Học	.41	N/A
Nhân Viên Xã Hội		N/A
Y Tá	.16	N/A
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	.77	N/A
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)		N/A
Các Chức Danh Khác	as needed	N/A

Ghi chú: Các ô ghi N/A không yêu cầu dữ liệu.

* Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian;

Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường (Năm Tài Khóa 2014–15)

Cấp	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh			Lương Trung Bình của Giáo Viên
	Tổng	Phụ Trội/ Giới Hạn	Cơ Bản/ Không Giới Hạn	
Địa Điểm Trường	5277	1609	3668	87,053
Khu Học Chánh	N/A	N/A	\$6032	\$86,588
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Khu Học Chánh	N/A	N/A	-39.2	0.5
Tiểu bang	N/A	N/A	\$5,677	\$75,137
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm – Địa Điểm Trường và Tiểu Bang	N/A	N/A	-35.4	15.9

Note: Cells with N/A values do not require data.

Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ (Năm Tài Khóa 2015–16)

Ngoài ngân sách chung của tiểu bang, tất cả các trường trong Học Khu Evergreen còn nhận được ngân sách có mục đích cụ thể của tiểu bang và liên bang dành cho các chương trình hỗ trợ dưới đây:

- Hỗ Trợ Tác Động Kinh Tế
- Chương Trình Cải Thiện Nhà Trường & Thư Viện
- Tiêu Đề I, Trợ Giúp Mục Tiêu (đối với các trường sau: Cadwallader, Dove Hill, Holly Oak, Katherine Smith, Montgomery và O.B. Whaley)
- Tiêu Đề II, Phát Triển Nhân Viên
- Tiêu Đề III, Trình Độ Thông Thạo Tiếng Anh Hạn Chế

Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính (Năm Tài Khóa 2014–15)

Hạng Mục	Số Tiền của Khu Học Chánh	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Khu Học Chánh Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$52,537	\$44,573
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$85,013	\$72,868
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$98,623	\$92,972
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$128,888	\$116,229
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$134,504	\$119,596
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)		\$121,883
Mức Lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$185,850	\$201,784
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	47%	39%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5%	5%

Để có thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Web về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Phát Triển Chuyên Môn

Nhân viên xây dựng các khái niệm và kỹ năng giảng dạy thông qua việc tham gia vào các buổi hội thảo, hội nghị và buổi họp phát triển nhân viên trong suốt cả năm. Trong ba năm qua, hàng năm học khu đã tài trợ ba ngày phát triển nhân viên trong đó giáo viên có nhiều cơ hội phát triển chuyên môn về chương trình giảng dạy, chiến lược và phương pháp giảng dạy bao gồm PBL (Học Theo Dự Án) đổi mới nhằm tăng cường tư duy phản biện, giao tiếp, hợp tác và sáng tạo.

Nhằm chuyển sang Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang và Các Môn Chính Chung, một buổi huấn luyện hướng dẫn (50% nhân viên toàn thời gian) đã được bổ sung nhằm cung cấp cơ hội về đào tạo, nguồn lực, tạo điều kiện gặp gỡ và huấn luyện trong lớp để minh họa và phản hồi.